

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/KDTM-PT

Ngày: 25-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐPT-KDTM ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P. Địa chỉ trụ sở: Số 35 Đường số 10, phường Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn T1 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Cao C1, sinh năm 1974. Địa chỉ: B1-4 Mỹ Khánh 2, H4-2, Khu phố 4, phường P1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH dây cáp điện T N (nay là Công ty TNHH dây cáp điện T); Địa chỉ trụ sở: Lô F, Đường D3, khu công nghiệp H III, xã H1, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lin Chih M – Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc C – Giám đốc kinh doanh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn L – Luật sư Công ty Luật TNHH W thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần địa ốc – cáp điện P; Địa chỉ trụ sở: Số 144A L1, phường L2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn T1 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Kim T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 4, xã H2, huyện T4, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH dây cáp điện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, ngày 20/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P do ông Lê Ngân G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/4/2018, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 05 hợp đồng mua bán dây cáp điện, gồm: hợp đồng số 18038/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18039/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18040/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18041/HĐMB/TEWDN-THTP và số 18042/HĐMB/TEWDN-THTP (gọi tắt là hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042); hàng hóa các bên giao dịch là: dây cáp điện LV ABC 1x70 với số lượng 500.000m, đơn giá 14.800 đồng/m; dây cáp điện LV ABC 1x95 với số lượng 500.000m, đơn giá 20.100 đồng/m; mục đích nguyên đơn mua là để bán lại cho Công ty Cổ phần địa ốc cáp điện P (gọi tắt là Công ty cáp điện P) để xuất khẩu theo đơn đặt hàng từ nước ngoài (thể hiện tại các hợp đồng số 17, 18, 19, 20 và số 21 ngày 15/5/2018 ký giữa Công ty cáp điện P với nguyên đơn.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã giao cho nguyên đơn 499.895m dây cáp điện LV ABC 1x70 và 319.856m dây cáp điện LV ABC 1x95. Nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn số tiền là 15.210.306.760 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Ngày 31/7/2018, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ xác định nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền là 796.314.627 đồng.

Nguyên đơn đã bán hàng hóa nêu trên cho Công ty cáp điện P để xuất khẩu. Tuy nhiên, qua kết quả thử nghiệm của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (viết tắt Quatest 3) thể hiện toàn bộ hàng hóa trên không đạt chất lượng như đã thỏa thuận trong 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042, không đạt tiêu chuẩn Việt Nam 6447:1998. Do hàng hóa có vấn đề về an toàn điện, khuyết tật nên ngày 01/9/2018 Công ty cáp điện P trả lại 39.851m

dây cáp điện LV ABC 1x95 và 65.890m dây cáp điện LV ABC 1x70 chưa kịp xuất khẩu cho nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: đình chỉ thực hiện 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042; phạt bị đơn 8% giá trị phần hàng hóa giao không đạt chất lượng theo hợp đồng là 431.522.912 đồng ($= 8\% \times 5.394.036.400$ đồng); buộc bị đơn thu hồi sản phẩm không đạt chất lượng và phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 1.953.794.810 đồng. Sau khi trừ số tiền 796.314.627 đồng nguyên đơn còn nợ, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 1.589.003.095 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH dây cáp điện T N (nay là Công ty TNHH dây cáp điện T) do ông Trần Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn đồng ý đình chỉ thực hiện 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042.

Bị đơn không đồng ý các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 10 “Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại” của 05 hợp đồng mà hai bên đã ký thì việc nguyên đơn sử dụng các Phiếu kết quả thử nghiệm của Công ty cáp điện P để cho rằng bị đơn sản xuất hàng hóa không đảm bảo chất lượng, vi phạm các hợp đồng hai bên đã ký kết là không có giá trị pháp lý. Bởi vì, việc gửi các mẫu thử cho Quatest 3 không có xác nhận mẫu của bị đơn, không có cơ sở để thấy rằng đây là mẫu được lấy hợp lệ từ sản phẩm do bị đơn sản xuất. Hiện nay, nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền là 796.314.627 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần địa ốc cáp điện P do ông Trương Cao C1 là người đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm như sau:

Để phân biệt dây cáp điện sản xuất bởi Công ty cáp điện P và bị đơn, mã cuộn sản phẩm khi sản xuất tại nhà máy của Công ty cáp điện P vào năm 2018 thì đầu số lấy số 8, còn của bị đơn là số 0. Khi xuất khẩu thì Công ty cáp điện P đặt lại mã cuộn hàng của bị đơn bắt đầu bằng số 1. Hàng hóa mà Công ty cáp điện P đã xuất khẩu đối với loại cáp 1x70 là 434.000m và cáp 1x90 là 280.000m là tương ứng với biên bản cuộc họp ngày 16/10/2018.

Công ty cáp điện P và nguyên đơn tự thương lượng giải quyết các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các hợp đồng mua bán hàng hóa số 17, 18, 19, 20 và 21 ngày 15/5/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu phạt vi phạm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty TNHH dây cáp điện T N(Nay là Công ty TNHH dây cáp điện T)

Buộc Công ty TNHH dây cáp điện T N(Nay là Công ty TNHH dây cáp điện T) nhận lại hàng hóa khuyết tật, không đạt chất lượng an toàn về điện là 53 cuộn (rulo) cáp điện, trong đó có 20 cuộn (rulo) là dây cáp điện LV ABC 1x95 và 33 cuộn (rulo) cáp điện LV ABC 1x70 tại kho của Công ty cổ phần địa ốc – cáp điện P; Địa chỉ: đường số 1, khu công nghiệp P - ấp 3, xã B, huyện L3, tỉnh Long An và Công ty TNHH dây cáp điện T N(nay là Công ty TNHH dây cáp điện T) có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P số tiền là 1.157.480.183 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn một trăm tám mươi ba đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P đối với yêu cầu phạt 8% giá trị đối với số lượng hàng hóa do Công ty TNHH dây cáp điện T N (Nay là Công ty TNHH dây cáp điện T) sản xuất hàng hóa không đạt chất lượng theo 05 hợp đồng, với số tiền phạt là 431.522.912 đồng. Hậu quả của việc đình chỉ: Đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P và Công ty TNHH dây cáp điện T N(Nay là Công ty TNHH dây cáp điện T) thống nhất đình chỉ thực hiện các hợp đồng mua bán số 18038/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18039/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18040/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18041/HĐMB/TEWDN-THTP và số 18042/HĐMB/TEWDN-THTP được ký cùng ngày 23/4/2018 giữa Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P với Công ty TNHH dây cáp điện T N(Nay là Công ty TNHH dây cáp điện T).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/01/2021, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Trương Cao C1 vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như án sơ thẩm đã xử; không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ông Trần Ngọc C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – Luật sư Lê Văn L trình bày ý kiến: Án sơ thẩm buộc bị đơn phải nhận lại 53 cuộn (rulo) cáp điện, trong đó có 20 cuộn (rulo) là dây cáp điện LV ABC 1x95 và 33 cuộn (rulo) cáp điện LV ABC 1x70 tại kho của Công ty cổ phần địa ốc – cáp điện P và buộc

Công ty TNHH dây cáp điện T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P số tiền là 1.157.480.183 đồng là không thể thi hành án được, vì Công ty Cổ phần địa ốc – cáp điện P không có yêu cầu độc lập trong vụ án, nguyên đơn cũng không chứng minh được 53 cuộn cáp điện này là do bị đơn sản xuất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để đình chỉ giải quyết vụ án vì nguyên đơn không có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ Điều 9 của các hợp đồng đã ký kết có quy định nghĩa vụ của bị đơn phải nhận lại hàng hóa không đạt chất lượng. Biên bản họp ngày 16/10/2018 và các email trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn đã thể hiện bị đơn thừa nhận hàng hóa do bị đơn sản xuất không đạt chất lượng và bàn cách giải quyết. Bị đơn nại rằng án sơ thẩm đã tuyên không thể thi hành là không có cơ sở, vì hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần địa ốc – cáp điện P hoàn toàn không có tranh chấp. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trương Cao C1: Luật sư Lê Văn L có ý kiến cho rằng quyền lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn trong vụ án này có thể đối lập với nhau vì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là khách hàng của nguyên đơn, mà nguyên đơn lại là khách hàng của bị đơn. Án sơ thẩm căn cứ ý kiến trình bày của ông C1 với tư cách người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, việc ông C1 lại đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn tại cấp phúc thẩm sẽ không đảm bảo tính khách quan, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông C1 đại diện cho nguyên đơn. Thấy rằng, từ ngày 01/4/2021, ông Trương Cao C1 đã nghỉ việc tại Công ty Cổ phần địa ốc - cáp điện P. Căn cứ quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố

tụng dân sự thì ông Trương Cao C1 vẫn được xác định tham gia phiên tòa phúc thẩm với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn không đồng ý thu hồi và hoàn trả giá trị sản phẩm mà nguyên đơn cho rằng không đạt chất lượng.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác định: Vào ngày 23/4/2018, giữa 02 công ty có ký kết 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042; hàng hóa các bên giao dịch là: dây cáp điện LV ABC 1x70 với số lượng 500.000m, đơn giá 14.800 đồng/m và dây cáp điện LV ABC 1x95 với số lượng 500.000m, đơn giá 20.100 đồng/m; mục đích nguyên đơn mua hàng hóa để bán cho Công ty cáp điện P và Công ty cáp điện P đồng ý cho nguyên đơn sử dụng nhãn hiệu “Thipha cable” in lên sản phẩm dây cáp điện khi mua từ bị đơn; hàng hóa được bị đơn giao tại kho của Công ty cáp điện P; bị đơn đã giao được 499.895m dây cáp điện LV ABC 1x70, 319.856m dây cáp điện LV ABC 1x95 và trên các sản phẩm này đều có in nhãn hiệu “THIPHA CABLE 2018”; nguyên đơn đã thanh toán 15.210.306.760 đồng (đã bao gồm 10% VAT), còn nợ 796.314.627 đồng (các bút lục số 151-162, 166-182, 186-192, 196-201, 346, 640, 641, 645). Bị đơn và nguyên đơn cũng xác định, nhân viên của 02 bên đã trao đổi thông tin, công văn gửi qua thư điện tử “email” và đã họp để giải quyết về sự cố dây cáp điện không đạt hàm lượng cacbon đen (các bút lục số 238-249, 223, 224, 225, 231, 264, 251-259, 209, 232, 235, 202 và 203).

[4] Theo thông tin do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cung cấp, các ông, bà: Trần Văn T5, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Mậu T6, Quách Đông K, Lôi Ngọc H3, Phạm Thị Ái D, Trần Dương P2 là nhân viên của bị đơn (bút lục 631, 633).

[5] Nguyên đơn xác định, nhân viên của nguyên đơn là bà Dương Ngọc H3 đã email cho nhân viên của bị đơn là bà Phạm Thị Ái D và ông Trần Dương P2 để trao đổi thông tin về việc xử lý sự cố dây cáp điện không đạt hàm lượng cacbon đen.

[6] Bị đơn xác định bà Phạm Thị Ái D, Trần Dương P2 đã email trao đổi thông tin với bà Dương Ngọc H3. Ngày 24/10/2018, bị đơn đã gửi công văn số 74/CV2018 qua email cho nguyên đơn để nêu ý kiến về biên bản họp ngày 16/10/2018.

[7] Xét những lý lẽ mà bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nêu để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

[8] Hồ sơ vụ án thể hiện, trong khoảng thời gian từ ngày 24/8/2018 đến ngày 25/10/2018, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có nhiều lần trao đổi thông tin, tổ chức họp trực tiếp hoặc qua email, liên quan đến vấn đề chất lượng cáp LV-ABC thuộc 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042 không đạt chỉ tiêu “hàm lượng cacbon đen”, cụ thể:

[8.1] Ngày 24/8/2018, nguyên đơn đã gửi email công văn không số/2018/CVTP có nội dung thông báo cho bị đơn biết về việc chất lượng cáp LV-ABC thuộc 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042 không đạt chỉ tiêu “hàm lượng cacbon đen”, đính kèm công văn là các phiếu kết quả thử nghiệm của Quatest 3 và đề xuất thời gian 02 công ty họp để giải quyết vấn đề vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 27/8/2018 (bút lục số 238-249).

[8.2] Đến 07 giờ 56 phút ngày 27/8/2018, nhân viên của bị đơn đã email cho nguyên đơn, xác định đã nhận được công văn về không đạt hàm lượng cacbon đen và thông báo lãnh đạo của bị đơn sẽ sắp xếp làm việc tại nhà máy Thipha vào lúc 15 giờ ngày 29/8/2018. Theo sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn, vào chiều ngày 29/8/2018 đại diện của hai công ty đã có buổi họp, nhưng không lập biên bản (bút lục 634). Do đó, việc bị đơn không thừa nhận nội dung buổi họp này có liên quan đến vấn đề chất lượng lô dây cáp điện không đạt chỉ tiêu hàm lượng cacbon của lớp cách điện là không đúng sự thật khách quan.

[8.3] Sau đó, lúc 10 giờ 49 phút ngày 04/9/2018, nhân viên của bị đơn đã gửi thư điện tử cho nguyên đơn, xác định lúc 15 giờ cùng ngày phía bị đơn bao gồm ông Wu Jui Y - Phó Tổng Giám đốc (người đã đại diện bị đơn ký 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042), ông Nguyễn Mậu T6 - Trợ lý Phó Tổng Giám đốc, ông Trần Văn T7 - Giám đốc kinh doanh và ông Lôi Ngọc H3 - Trợ lý Giám đốc nhà máy sẽ đến nhà máy của nguyên đơn (bút lục số 224). Mặc dù email này không nêu rõ mục đích phía bị đơn đến nhà máy, nhưng đến các email trao đổi tiếp theo giữa hai bên vào ngày 21/9/2018 và 24/9/2018, phía bị đơn đã thừa nhận hàng hóa giao cho nguyên đơn bị sự cố và đề nghị bán số lượng dây cáp còn tồn ở kho P và kho của bị đơn cho nguyên đơn theo giá vốn, nhưng phía nguyên đơn chỉ đồng ý mua theo giá phế liệu (bút lục 224-225).

[8.4] Theo yêu cầu của nguyên đơn, trong email gửi lúc 16 giờ 47 phút ngày 25/9/2018, nhân viên của bị đơn đã cung cấp số lượng dây cáp điện còn tồn bên kho của bị đơn tổng cộng là 179.993 mét (bút lục 225). Số lượng này trùng khớp với số lượng hàng hóa mà Công ty cáp điện P định chỉ không lấy của nguyên đơn theo biên bản họp ngày 01/9/2018 (bút lục 428), cũng phù hợp với thống kê tổng số lượng hàng tồn tại kho bên phía nguyên đơn (hàng giao tại kho của Công ty cáp điện P) và tại kho của bị đơn, theo biên bản họp giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 16/10/2018 (bút lục 591).

[8.5] Tại các công văn số 35-2018/CV-TPTH và số 37/2018/TPTH-ĐN đính kèm theo các email gửi ngày 12 và 19/10/2018, nguyên đơn một lần nữa khẳng định dây cáp mà bị đơn giao không đạt chất lượng (không đạt chỉ tiêu hàm lượng cacbon của lớp cách điện), yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại và đề nghị mua dây cáp còn tồn tại kho của 2 bên theo giá phế liệu.

[8.6] Tại buổi họp giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 16/10/2018 để giải quyết sự cố chất lượng hàng, 02 bên đã thống nhất xác định số lượng hàng đã giao, hàng đang tồn tại kho của hai bên, nhưng chưa thống nhất được hướng giải

quyết hậu quả của việc giao hàng kém chất lượng, cụ thể, phía nguyên đơn đề nghị mua hàng tồn tính theo giá phế liệu còn bị đơn đề xuất tính theo giá sản xuất; nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại 30% giá trị đối với hàng đã giao cho khách hàng, còn bị đơn đề nghị được bảo hành sản phẩm (bút lục 590-591).

[9] Như vậy, qua nội dung các lần trao đổi email và họp trực tiếp, bị đơn hoàn toàn không phản đối kết quả kiểm định chất lượng dây cáp điện mà nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn, hai bên chỉ không thống nhất được hướng giải quyết hậu quả của sự cố hàng kém chất lượng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn nại rằng việc đưa mẫu đi kiểm định không có sự chứng kiến của bị đơn, bị đơn không đồng ý lấy mẫu dây cáp đang lưu tại kho bên phía nguyên đơn để kiểm định lại vì cho rằng không có căn cứ xác định hàng do bị đơn sản xuất, nhưng bị đơn lại không cung cấp mẫu để thực hiện kiểm định lại, mặc dù theo email gửi ngày 25/9/2018 và trong biên bản họp ngày 16/10/2018, bị đơn đều xác định đang lưu tại kho 179.993 mét dây cáp điện chưa giao cho nguyên đơn.

[10] Bị đơn nại rằng biên bản họp ngày 16/10/2018 mặc dù có nhân viên của bị đơn tham dự, nhưng những người này không được ủy quyền hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên không có giá trị pháp lý, nhưng căn cứ biên bản họp này, ông Wu Jui Y – Phó Tổng Giám đốc và là người đã đại diện bị đơn ký 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042 – đã ký công văn số 74/CV2018 ngày 24/10/2018 (được đóng dấu của bị đơn), đề đề xuất hướng giải quyết đối với số lượng hàng chưa giao và đã giao cho nguyên đơn.

[11] Án sơ thẩm đã căn cứ vào quá trình trao đổi giải quyết sự việc giữa nguyên đơn và bị đơn qua các email và biên bản họp ngày 16/10/2018, xác định hàng hóa mà bị đơn đã giao không tuân thủ yêu cầu đối với lớp cách điện theo quy định tại mục 3.2 khoản 3 của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN:1998 do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng thỏa thuận tại khoản 2 Điều 7, tiết viii điểm a và tiết iv, vi và xi điểm b khoản 1 Điều 8 của 05 hợp đồng số 18038, 18039, 18040, 18041 và 18042; đúng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Thương mại năm 2005.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[13] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ buộc bị đơn có nghĩa vụ nhận lại hàng hóa, mà không buộc nguyên đơn cũng như Công ty cáp điện P là đơn vị đang lưu hàng hóa có trách nhiệm liên đới giao trả hàng sẽ gây khó khăn khi thi hành án. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất đình chỉ thực hiện phần còn lại của 05 hợp đồng, lẽ ra mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm nhưng bản án sơ thẩm

buộc bị đơn phải chịu toàn bộ là không chính xác, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[15] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: bị đơn phải chịu do bị bác kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH dây cáp điện T.
3. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.
4. Căn cứ các Điều 5, Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 177, Điều 178, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 50, Điều 310, Điều 311 của Luật thương mại năm 2005; Điều 6, Điều 26 và 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty TNHH dây cáp điện T N(nay là Công ty TNHH dây cáp điện T).
6. Buộc Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P và Công ty Cổ phần địa ốc – cáp điện P có trách nhiệm liên đới giao và Công ty TNHH dây cáp điện T có nghĩa vụ nhận lại hàng hóa khuyết tật, không đạt chất lượng an toàn về điện là 53 cuộn (rulo) cáp điện, bao gồm 20 cuộn (rulo) là dây cáp điện LV ABC 1x95 và 33 cuộn (rulo) cáp điện LV ABC 1x70 tại kho của Công ty cổ phần địa ốc – cáp điện P; địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp P - ấp 3, xã B, huyện L3, tỉnh Long An.
7. Buộc Công ty TNHH dây cáp điện T có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P số tiền là 1.157.480.183 đồng (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn một trăm tám mươi ba đồng).

8. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh tổng hợp P đòi Công ty TNHH dây cáp điện T chịu phạt 8% giá trị của hàng hóa không đạt chất lượng theo 05 hợp đồng, với số tiền phạt là 431.522.912 đồng. Hậu quả của việc đình chỉ: Đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

9. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P và Công ty TNHH dây cáp điện T về việc đình chỉ thực hiện các hợp đồng mua bán số 18038/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18039/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18040/HĐMB/TEWDN-THTP, số 18041/HĐMB/TEWDN-THTP và số 18042/HĐMB/TEWDN-THTP được ký cùng ngày 23/4/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P với Công ty TNHH dây cáp điện T Đệ Nhất.

10. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng): Buộc Công ty TNHH dây cáp điện T phải chịu toàn bộ và có nghĩa vụ trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P số tiền đã tạm ứng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

11. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

12. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

12.1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.835.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004049 ngày 23/10/2019 và số 0003476 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh tổng hợp P được hoàn trả 28.635.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn thừa.

12.2. Buộc Công ty TNHH dây cáp điện T phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không giá ngạch và 46.724.400 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) án phí có giá ngạch.

13. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc Công ty TNHH Dây cáp điện T phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng), khấu trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí mà Công ty TNHH Dây cáp điện T đã nộp theo Biên lai thu số 0007310 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện H, tỉnh Long An. Công ty TNHH Dây cáp điện T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

14. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

15. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 25/11/2021 (ngày hai mươi lăm tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi một)/.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực